

Số: 43/2023/QĐST-HNGĐ

Ngày: 05/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC YÊU CẦU XÁC NHẬN MẸ CHO CON

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp*: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thẩm phán

- *Thư ký phiên họp*: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp*: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2023 về việc “Yêu cầu xác nhận mẹ cho con” theo Quyết định mở phiên họp số 159/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2023, giữa:

** Người yêu cầu:*

- Anh Đỗ Thanh G, sinh năm 1971; Địa chỉ: KDC B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương;

- Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1984; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số E Cầu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Vương quốc A.

** Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu T*: Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1974; Địa chỉ: F, Cầu C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1989, địa chỉ: KDC B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Anh G, chị T, chị H2, H1 đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

** Theo đơn đề nghị xác nhận mẹ cho con của anh Đỗ Thanh G, chị Nguyễn Thị Thu T và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:*

Năm 2004, anh Đỗ Thanh G và chị Nguyễn Thị Thu T cùng sang lao động tại Hàn Quốc. Quá trình lao động tại Hàn Quốc, anh G và chị T phát sinh tình cảm với nhau và có 01 người con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/9/2010

tại Hàn Quốc. Tháng 10/2010, anh G về Việt Nam định cư. Năm 2012 chị T và cháu N mới về Việt Nam. Quá trình chung sống tại Việt Nam, anh G và chị T nảy sinh mâu thuẫn nên không tiến hành đăng ký kết hôn. Năm 2013, chị T sang Vương quốc Anh lao động và sinh sống từ đó cho đến nay, còn anh G ở Việt Nam chăm sóc cháu N. Tại Việt Nam, anh G có quen biết với chị Phạm Thị H2, anh G và chị H2 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K (nay là phường D, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 19/8/2015. Do anh G và chị T chưa đăng ký kết hôn nên khi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu N, anh G đã khai chị Phạm Thị H2 vào mục họ tên mẹ trong giấy khai sinh cháu Đỗ Bảo N. Tại Kết luận giám định ADN số KQ 2202125 và số KQ 2202152 ngày 12/02/2023 của Công ty cổ phần D kết luận “Nguyễn Thị Thu T có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với Đỗ Bảo N” và “Đỗ Thanh G có quan hệ huyết thống Cha - Con với Đỗ Bảo N”. Do đó, anh G và chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xác định chị Nguyễn Thị Thu T là mẹ đẻ của cháu Đỗ Bảo N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H2 trình bày:* Chị và anh Đỗ Thanh G kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K (nay là phường D, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 19/8/2015. Trước khi kết hôn với anh G, chị được biết anh G và chị Nguyễn Thị Thu T quen nhau ở bên Hàn Quốc và có với nhau 01 người con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/9/2010, hiện nay cháu N đang ở cùng với anh G và chị. Vì nhiều lý do khách quan, anh G và chị T không chung sống được với nhau, chị Thủy sang Vương quốc Anh sinh sống và làm việc từ năm 2013 cho đến nay và không làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh G. Năm 2015, khi anh G muốn đi đăng ký khai sinh cho cháu Đỗ Bảo N, do anh G và chị T không đăng ký kết hôn nên không đăng ký tên chị Thủy vào họ tên mẹ trong giấy khai sinh của cháu N. Anh G có vẻ trao đổi với chị về việc lấy tên chị là Phạm Thị H2 vào họ tên mẹ trong giấy khai sinh của cháu Đỗ Bảo N, chị đã đồng ý. Nhưng thực tế chị và cháu Đỗ Bảo N không có quan hệ huyết thống mẹ - con. Tại Kết luận giám định ADN số KQ 2202125 và số KQ 2202152 ngày 12/02/2023 của Công ty cổ phần D kết luận “Nguyễn Thị Thu T có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với Đỗ Bảo N” và “Đỗ Thanh G có quan hệ huyết thống Cha - Con với Đỗ Bảo N”. Do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu của anh G, chị T. Xác định chị Nguyễn Thị Thu T1 là mẹ đẻ của cháu Đỗ Bảo N.

Tại phiên họp: Anh Đỗ Thanh G, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Phạm Thị H2, chị Bùi Thị H1 có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Xác định những người tiến hành tố tụng và

những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc: Căn cứ vào Kết luận giám định ADN số KQ 2202125 ngày 12/02/2023 của Công ty cổ phần D có đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị Thu T và cháu Đỗ Bảo N có quan hệ huyết thống Mẹ - Con. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ: Điều 88, Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Thanh G, chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận chị Nguyễn Thị Thu T là mẹ đẻ của cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/9/2010; Anh G và chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng:

A Đỗ Thanh G, chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xác định mẹ cho con. Chị Nguyễn Thị Thu T hiện đang sinh sống và làm việc tại Vương quốc A. Căn cứ khoản 10 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại thời điểm làm đơn đề nghị chị T có mặt tại Việt Nam nhưng chưa làm thủ tục tại Tòa án nên chị T đã ủy quyền cho chị Bùi Thị H1 giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của Tòa án. Chị H1 đồng ý nhận ủy quyền của chị T để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của Tòa án và xác định sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị T các giấy tờ, tài liệu, quyết định của Tòa án. Các văn bản chị T gửi gồm: Đơn yêu cầu xác nhận mẹ cho con; Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền. Giấy ủy quyền đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương chứng thực chữ ký của chị T nên được công nhận là hợp pháp.

Chị T, anh G, chị H2, chị H1 đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

Anh Đỗ Thanh G, chị Nguyễn Thị Thu T quen biết nhau bên Hàn Quốc và có với nhau 01 người con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/9/2010 tại Hàn Quốc. Tháng 10/2010 anh G về Việt Nam đến năm 2012 chị T và cháu N về Việt Nam nhưng do quá trình chung sống anh G, chị T nảy sinh mâu thuẫn nên

không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Năm 2013, chị T sang Vương quốc Anh sinh sống và làm việc. Tháng 8/2015, anh G đăng ký kết hôn với chị Phạm Thị H2. Sau khi kết hôn với chị H2, anh G đi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu Đỗ Bảo N và đã khai họ tên mẹ trong giấy khai sinh của cháu N là chị Phạm Thị H2. Căn cứ vào Kết luận giám định ADN số KQ 2202125 và số KQ 2202152 ngày 12/02/2023 của Công ty cổ phần D kết luận “Nguyễn Thị Thu T có quan hệ huyết thống Mẹ - Con với Đỗ Bảo N” và “Đỗ Thanh G có quan hệ huyết thống Cha - Con với Đỗ Bảo N” nên có căn cứ xác định cháu Đỗ Bảo N là con đẻ của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Thanh G. Chị Phạm Thị H2 xác định rằng chị và cháu Đỗ Bảo N không có quan hệ huyết thống Mẹ - Con, việc anh G khai tên chị Phạm Thị H2 vào giấy khai sinh của cháu Đỗ Bảo N là để hoàn thiện thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu N. Từ những phân tích trên cho thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Thanh G và chị Nguyễn Thị Thu T xác nhận mẹ chị Nguyễn Thị Thu T là mẹ đẻ của cháu Đỗ Bảo N.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh G và chị T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm (cộng bằng 300.000 đồng) (chị H1 đã nộp thay).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xác nhận mẹ cho con của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Thanh G

Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu T là mẹ đẻ của cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/9/2010.

2. Về lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh G, chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (cộng bằng 300.000 đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0003986 ngày 13/3/2023 do chị H1 nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh G, chị T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự).

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc xác nhận mẹ cho con vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc xác nhận mẹ cho con trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa HC; Tòa GD&NCTN.

Phạm Thị Mai Hoa

